

SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO QUẢNG BÌNH



Tài liệu

# PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH MÔN NGỮ VĂN THCS

*Ban hành kèm theo Công văn số 1384/SGDDT-GDTrH, ngày 29 tháng 9 năm 2011  
của Sở Giáo dục & Đào tạo Quảng Bình*

**(Áp dụng từ năm học 2011-2012)**

## **A. NHỮNG LƯU Ý CHUNG**

Bản *Phân phối chương trình môn Ngữ văn THCS* (áp dụng từ năm học 2011-2012) được biên soạn dựa theo Công văn (số 5842/BGDĐT-VP ngày 01 tháng 9 năm 2011) hướng dẫn thực hiện điều chỉnh nội dung dạy học môn Ngữ văn cấp THCS của Bộ GD&ĐT. Khi sử dụng phân phối chương trình (PPCT), giáo viên cần lưu ý:

1. Những bài có trong sách giáo khoa nhưng không có trong PPCT, giáo viên nhắc nhở học sinh có thể tham khảo thêm để tăng hiểu biết cho bản thân (những nội dung này sẽ không kiểm tra, thi cử).

2. Những bài PPCT ghi là *Hướng dẫn đọc thêm (hoặc Hướng dẫn tự học)*, giáo viên cần hướng dẫn ngắn gọn để học sinh có sự định hướng khi đọc thêm hoặc tự học (nội dung hướng dẫn cần phải thể hiện trong giáo án). Khi đánh giá kết quả học tập của học sinh, phần này (nếu có) chỉ kiểm tra ở mức độ *nhận biết*, dưới dạng trả lời ngắn câu hỏi trắc nghiệm hoặc tự luận.

3. Đối với những bài được tăng thời lượng, giáo viên cần phát huy lợi thế về mặt thời gian để đổi mới phương pháp giảng dạy, phát huy tính chủ động sáng tạo của học sinh; tránh sa vào việc mở rộng hoặc nâng cao kiến thức.

4. Việc điều chỉnh chương trình sẽ khiến cho tính tích hợp của một số bài học bị phá vỡ (nhất là các bài Tiếng Việt, Làm văn có sử dụng ngữ liệu của phần Văn đã được điều chuyển sang *không dạy hoặc đọc thêm*). Do vậy, giáo viên cần đầu tư thời gian nghiên cứu để lựa chọn một phương án xử lý phù hợp.

5. Riêng học kì I năm học 2011 - 2012, việc áp dụng PPCT có thể gặp một số khó khăn (do có những bài điều chỉnh về thời lượng nhưng đã được dạy theo PPCT cũ). Các tổ chuyên môn bàn bạc để có thể điều chỉnh lại thời lượng một số bài học trong học kì I một cách hợp lí, sao cho tổng số tiết của học kì đúng như qui định (việc điều chỉnh này chỉ thực hiện trong học kì I năm học 2011 - 2012).

### **LIÊN KẾT NHANH:**

<b>LỚP 6</b> .....	<b>3</b>
HỌC KÌ I .....	3
HỌC KÌ II .....	5
<b>LỚP 7</b> .....	<b>7</b>
HỌC KÌ I .....	7
HỌC KÌ II .....	9
<b>LỚP 8</b> .....	<b>11</b>
HỌC KÌ I .....	11
HỌC KÌ II .....	13
<b>LỚP 9</b> .....	<b>15</b>
HỌC KÌ I .....	15
HỌC KÌ II .....	17

**B. PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH****LỚP 6**

- **Cả năm** : 37 tuần 140 tiết
- + **Học kỳ 1** : 19 tuần 72 tiết
- + **Học kỳ 2** : 18 tuần 68 tiết

<b>BỐ TRÍ THỜI KHÓA BIỂU</b>		
<b>Học kỳ 1</b> :	<b>Tuần 01 - 17</b> : 04 tiết / tuần = 68 tiết	<b>Cộng HK1:</b> 72 tiết
	<b>Tuần 18 - 19</b> : 02 tiết / tuần = 04 tiết	
<b>Học kỳ 2</b> :	<b>Tuần 20 - 35</b> : 04 tiết / tuần = 64 tiết	<b>Cộng HK2:</b> 68 tiết
	<b>Tuần 36 - 37</b> : 02 tiết / tuần = 04 tiết	

**HỌC KÌ I**

- 1-2. Từ và cấu tạo từ tiếng Việt.
3. Giao tiếp, văn bản và phương thức biểu đạt.
- 4-5. *Thánh Gióng*;  
Hướng dẫn đọc thêm (3 đến 5 phút): *Bánh chưng bánh giầy*.
- 6-7. Từ mượn.
8. Tìm hiểu chung về văn tự sự.
- 9-10. *Sơn Tinh, Thủy Tinh*;  
Hướng dẫn đọc thêm (3 đến 5 phút): *Sự tích hồ Gươm*.
- 11-12. Nghĩa của từ.
13. Sự việc và nhân vật trong văn tự sự.
- 14-15. Chủ đề và dàn bài của bài văn tự sự.
- 16-17. Tìm hiểu đề và cách làm bài văn tự sự.
- 18-19. Viết bài Tập làm văn số 1.**
- 20-21. Từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ.
- 22-23. Lời văn, đoạn văn tự sự.
- 24-25. *Thạch Sanh*.
26. Chữa lỗi dùng từ.
27. Trả bài Tập làm văn số 1.
- 28-29. *Em bé thông minh*.
30. Chữa lỗi dùng từ (tiếp).
- 31. Kiểm tra Văn.**
32. Luyện nói kể chuyện.
33. Danh từ.
34. Ngôi kể và lời kể trong văn tự sự.
35. Thứ tự kể trong văn tự sự.
- 36-37. Viết bài Tập làm văn số 2.**
38. *Ếch ngồi đáy giếng*.

39. *Thầy bói xem voi;*

Hướng dẫn đọc thêm (3 đến 5 phút): *Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng.*

40. Danh từ (tiếp).

**41. Trả bài kiểm tra Văn.**

42. Luyện nói kể chuyện.

43. Cụm danh từ.

**44. Kiểm tra Tiếng Việt.**

45. Trả bài Tập làm văn số 2.

46. Luyện tập xây dựng bài tự sự- Kể chuyện đời thường.

**47-48. Viết bài Tập làm văn số 3.**

49. *Treo biển;*

Hướng dẫn đọc thêm (3 đến 5 phút): *Lợn cưới, áo mới.*

50. Số từ và lượng từ.

51. Kể chuyện tưởng tượng.

52-53. Ôn tập truyện dân gian.

54. Trả bài kiểm tra Tiếng Việt.

55. Chỉ từ;

56. Luyện tập kể chuyện tưởng tượng.

57. Động từ.

58-59. Cụm động từ.

60-61. Tính từ và cụm tính từ.

62. Trả bài Tập làm văn số 3;

63-64. *Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng;*

Hướng dẫn đọc thêm (3 đến 5 phút): *Con hổ có nghĩa.*

65. Ôn tập Tiếng Việt.

**66. Ôn tập kiểm tra học kì I.**

**67-68. Kiểm tra học kì I.**

69. Hoạt động Ngữ văn: Thi kể chuyện.

70-71. Chương trình Ngữ văn địa phương;

72. Trả bài kiểm tra học kì I.

## HỌC KÌ II

- 73-74. Bài học đường đời đầu tiên.  
75. Phó từ.  
76. Tìm hiểu chung về văn miêu tả.  
77-78. *Sông nước Cà Mau*.  
79. So sánh.  
80-81 Quan sát, tưởng tượng, so sánh và nhận xét trong văn miêu tả.  
82-83. *Bức tranh của em gái tôi*.  
84. Luyện nói về quan sát, tưởng tượng, so sánh và nhận xét trong văn miêu tả.  
85-86. *Vượt thác*.  
87. So sánh (tiếp).  
88. Chương trình địa phương Tiếng Việt;  
89-90. Phương pháp tả cảnh;  
**Viết bài Tập làm văn tả cảnh (làm ở nhà).**  
91-92. *Buổi học cuối cùng*.  
93. Nhân hoá.  
94-95. Phương pháp tả người.  
96-97. *Đêm nay Bác không ngủ*.  
98. Ẩn dụ.  
99. Luyện nói về văn miêu tả.  
**100. Kiểm tra Văn.**  
101. Trả bài Tập làm văn tả cảnh viết ở nhà.  
102-103. *Lượm*;  
Hướng dẫn đọc thêm (3 đến 5 phút): *Mưa*.  
104. Hoán dụ.  
105. Tập làm thơ bốn chữ.  
106-107. *Cô Tô*.  
**108-109. Viết bài Tập làm văn tả người.**  
110-111. Các thành phần chính của câu.  
112. Thi làm thơ 5 chữ.  
113-114. *Cây tre Việt Nam*;  
Hướng dẫn đọc thêm (3 đến 5 phút): *Lòng yêu nước*.  
115. Câu trần thuật đơn.  
116. Câu trần thuật đơn có từ là.  
**117. Kiểm tra Tiếng Việt.**  
118. Trả bài kiểm tra Văn, bài Tập làm văn tả người.  
119. Ôn tập truyện và kí.  
120. Câu trần thuật đơn không có từ là.  
121. Ôn tập văn miêu tả.  
122. Chữa lỗi về chủ ngữ, vị ngữ.  
**123-124. Viết bài Tập làm văn miêu tả sáng tạo.**  
125. Viết đơn.  
126-127. *Bức thư của thủ lĩnh da đỏ*.  
128. Chữa lỗi về chủ ngữ, vị ngữ (tiếp).  
129. Luyện tập cách viết đơn và sửa lỗi.

130. Ôn tập về dấu câu (Dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than).
131. Ôn tập về dấu câu (Dấu phẩy).
132. Trả bài Tập làm văn miêu tả sáng tạo, trả bài kiểm tra Tiếng Việt.
133. Tổng kết phần Văn và Tập làm văn.
134. Tổng kết phần Tiếng Việt.
- 135-136. Ôn tập tổng hợp.**
- 137-138. Kiểm tra học kì II.**
139. Chương trình Ngữ văn địa phương.
140. Trả bài kiểm tra học kì II.

thcssolnamly.edu.vn



# LỚP 7

- **Cả năm** : **37 tuần** **140 tiết**
- + **Học kỳ 1** : **19 tuần** **72 tiết**
- + **Học kỳ 2** : **18 tuần** **68 tiết**

## BỐ TRÍ THỜI KHÓA BIỂU

<b>Học kỳ 1</b> :	<b>Tuần 01 - 17</b> : <b>04 tiết / tuần = 68 tiết</b>	<b>Cộng HK1:</b> <b>72 tiết</b>
	<b>Tuần 18 - 19</b> : <b>02 tiết / tuần = 04 tiết</b>	
<b>Học kỳ 2</b> :	<b>Tuần 20 - 35</b> : <b>04 tiết / tuần = 64 tiết</b>	<b>Cộng HK2:</b> <b>68 tiết</b>
	<b>Tuần 36 - 37</b> : <b>02 tiết / tuần = 04 tiết</b>	

## HỌC KÌ I

1. *Cổng trường mở ra.*
2. *Mẹ tôi.*
3. Từ ghép.
4. Liên kết trong văn bản.
- 5-6. *Cuộc chia tay của những con búp bê.*
7. Bố cục trong văn bản.
8. Mạch lạc trong văn bản.
9. Những câu hát về tình cảm gia đình (bài 1 và 4).
10. Những câu hát về tình yêu quê hương, đất nước, con người (bài 1 và 4).
11. Từ láy.
12. Quá trình tạo lập văn bản.
- Viết bài Tập làm văn số 1 học sinh làm ở nhà.**
13. Những câu hát than thân (bài 2 và 3).
14. Những câu hát châm biếm (bài 1 và 2).
15. Đại từ;
16. Luyện tập tạo lập văn bản.
- 17-18. *Sông núi nước Nam; Phò giá về kinh;*  
Hướng dẫn đọc thêm (3 đến 5 phút): *Buổi chiều đứng ở phủ Thiên Trường trông ra.*
19. Từ Hán Việt.
- 20. Trả bài Tập làm văn số 1.**
21. Tìm hiểu chung về văn biểu cảm.
22. Từ Hán Việt (tiếp).
23. Đặc điểm văn bản biểu cảm.
24. Đề văn biểu cảm và cách làm bài văn biểu cảm.
25. *Bánh trôi nước.*
26. Quan hệ từ.
27. Luyện tập cách làm văn bản biểu cảm.
- 28-29. *Qua đèo Ngang.*
- 30-31. *Bạn đến chơi nhà.*

**32-33. Viết bài Tập làm văn số 2.**

34. Chữa lỗi về quan hệ từ.

35. *Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh* (Tĩnh dạ tứ);

Hướng dẫn đọc thêm (3 đến 5 phút): *Xa ngắm thác núi Lư*.

36. Từ đồng nghĩa.

37. Cách lập ý của bài văn biểu cảm.

38. *Ngẫu nhiên viết nhân buổi mới về quê* (Hồi hương ngẫu thư).

39. Từ trái nghĩa.

40. Luyện nói: Văn biểu cảm về sự vật, con người.

**41. Kiểm tra Văn.**

42. Từ đồng âm.

43. Các yếu tố tự sự, miêu tả trong văn biểu cảm.

44. *Cảnh khuya*.

45. *Rằm tháng giêng*.

46. Trả bài Tập làm văn số 2.

**47. Kiểm tra Tiếng Việt.**

48. Thành ngữ.

49. Trả bài kiểm tra Văn, bài kiểm tra Tiếng Việt.

50. Cách làm bài văn biểu cảm về tác phẩm văn học (chọn ngữ liệu phù hợp để dạy).

**51-52. Viết bài Tập làm văn số 3.**

53-54. *Tiếng gà trưa*.

55. Điệp ngữ.

56. Luyện nói: Phát biểu cảm nghĩ về tác phẩm văn học.

57-58. *Một thứ quà của lúa non: Cốm*.

59. Trả bài Tập làm văn số 3.

60. Làm thơ lục bát.

61. Chơi chữ.

62. Chuẩn mực sử dụng từ.

63. Ôn tập văn bản biểu cảm.

64-65. *Mùa xuân của tôi*.

Hướng dẫn đọc thêm (3 đến 5 phút): *Sài Gòn tôi yêu*.

66. Luyện tập sử dụng từ.

67. Ôn tập tác phẩm trữ tình (cả 2 bài trong sách giáo khoa).

68. Ôn tập Tiếng Việt (cả 2 bài trong sách giáo khoa).

**69-70. Kiểm tra học kì I.**

71. Chương trình địa phương phần Tiếng Việt.

72. Trả bài kiểm tra kì I.



## HỌC KÌ II

73. Tục ngữ về thiên nhiên và lao động sản xuất.
74. Chương trình địa phương phần Văn và Tập làm văn.
75. Tìm hiểu chung về văn nghị luận.
76. Tìm hiểu chung về văn nghị luận (tiếp).
77. Tục ngữ về con người và xã hội.
78. Rút gọn câu.
79. Đặc điểm của văn bản nghị luận.
- 80-81. Đề văn nghị luận và việc lập ý cho bài văn nghị luận.
82. *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta.*
83. Câu đặc biệt.
- 84-85. Luyện tập về phương pháp lập luận trong văn nghị luận;  
Hướng dẫn học sinh tự học (3 đến 5 phút): Bố cục và phương pháp lập luận trong bài văn nghị luận.
86. Thêm trạng ngữ cho câu.
87. Tìm hiểu chung về phép lập luận chứng minh.
88. Thêm trạng ngữ cho câu (tiếp).
- 89. Kiểm tra Tiếng Việt.**
- 90-91. Cách làm bài văn lập luận chứng minh.
92. Luyện tập lập luận chứng minh.
- 93-94. *Đức tính giản dị của Bác Hồ.*
95. Chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động.
- 96-97. Viết bài Tập làm văn số 5 tại lớp.**
- 98-99. *Ý nghĩa văn chương.*
- 100. Kiểm tra Văn.**
101. Chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động (tiếp).
102. Luyện tập viết đoạn văn chứng minh.
103. Ôn tập văn nghị luận.
104. Dùng cụm chủ - vị để mở rộng câu.
105. Trả bài Tập làm văn số 5, trả bài kiểm tra Tiếng Việt, trả bài kiểm tra Văn.
106. Tìm hiểu chung về phép lập luận giải thích.
- 107-108. *Sống chết mặc bay;*
- 109-110. Cách làm bài văn lập luận giải thích.
111. Luyện tập lập luận giải thích.  
**Viết bài Tập làm văn số 6 học sinh làm ở nhà.**
112. Dùng cụm chủ - vị để mở rộng câu. Luyện tập (tiếp).
113. Luyện nói: Bài văn giải thích một vấn đề.
- 114-115. *Ca Huế trên sông Hương.*
116. Liệt kê.
117. Tìm hiểu chung về văn bản hành chính.
118. Trả bài Tập làm văn số 6.
119. Dấu chấm lửng và dấu chấm phẩy.
120. Văn bản đề nghị.
121. Ôn tập Văn học.

122. Dấu gạch ngang.  
123. Ôn tập Tiếng Việt.  
124. Văn bản báo cáo.  
125-126. Luyện tập làm văn bản đề nghị và báo cáo.  
127-128. Ôn tập Tập làm văn.  
129. Ôn tập Tiếng Việt (tiếp).  
**130-131. Ôn tập và hướng dẫn làm bài kiểm tra học kì II.**  
**132-133. Kiểm tra học kì II.**  
134-135. Chương trình địa phương phần Văn và Tập làm văn (tiếp).  
136-137. Hoạt động Ngữ văn.  
138-139. Chương trình địa phương phần Tiếng Việt.  
140. Trả bài kiểm tra học kì II.

thcssolnamly.edu.vn

# LỚP 8

- **Cả năm** : **37 tuần 140 tiết**
- + **Học kỳ 1** : **19 tuần 72 tiết**
- + **Học kỳ 2** : **18 tuần 68 tiết**

## BỐ TRÍ THỜI KHÓA BIỂU

<b>Học kỳ 1</b> :	<b>Tuần 01 - 17</b> : <b>04 tiết / tuần = 68 tiết</b>	<b>Cộng HK1:</b> <b>72 tiết</b>
	<b>Tuần 18 - 19</b> : <b>02 tiết / tuần = 04 tiết</b>	
<b>Học kỳ 2</b> :	<b>Tuần 20 - 35</b> : <b>04 tiết / tuần = 64 tiết</b>	<b>Cộng HK2:</b> <b>68 tiết</b>
	<b>Tuần 36 - 37</b> : <b>02 tiết / tuần = 04 tiết</b>	

## HỌC KÌ I

- 1-2. *Tôi đi học.*
3. Tính thống nhất về chủ đề của văn bản.
- 4-5. *Trong lòng mẹ.*
- 6-7 *Trường từ vựng;*  
Hướng dẫn tự học (3 đến 5 phút): Cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ.
- 8-9. Bố cục của văn bản.
- 10-11. *Tức nước vỡ bờ.*
12. Xây dựng đoạn văn trong văn bản.
- 13-14. Viết bài Tập làm văn số 1.**
- 15-16. *Lão Hạc.*
17. Từ tượng hình, từ tượng thanh.
- 18-19. Liên kết các đoạn văn trong văn bản.
20. Từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội.
21. Tóm tắt văn bản tự sự.
22. Luyện tập tóm tắt văn bản tự sự.
23. Trả bài Tập làm văn số 1.
- 24-25. *Cô bé bán diêm.*
26. Trợ từ, thán từ.
27. Miêu tả và biểu cảm trong văn bản tự sự.
- 28-29. *Đánh nhau với cối xay gió.*
30. Tình thái từ.
31. Luyện tập viết đoạn văn tự sự kết hợp với với miêu tả và biểu cảm.
- 32-33. *Chiếc lá cuối cùng.*
34. Chương trình địa phương (phần Tiếng Việt);
35. Lập dàn ý cho bài văn tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm.
- 36-37. *Hai cây phong.*
- 38-39. Viết bài Tập làm văn số 2.**
40. Nói quá.
41. Ôn tập truyện kí Việt Nam.
42. *Thông tin về ngày trái đất năm 2000.*

43. Nói giảm, nói tránh.

**44. Kiểm tra Văn.**

45. Luyện nói: Kể chuyện theo ngôi kể kết hợp với miêu tả và biểu cảm.

46. Câu ghép.

47. Tìm hiểu chung về văn bản thuyết minh.

48. Ôn dịch thuốc lá.

49. Câu ghép (tiếp).

50. Phương pháp thuyết minh.

51. Trả bài kiểm tra Văn, bài Tập làm văn số 2.

52. Bài toán dân số.

53. Dấu ngoặc đơn và dấu hai chấm.

54. Đề văn thuyết minh và cách làm bài văn thuyết minh.

55. Chương trình địa phương (phần Văn).

56. Dấu ngoặc kép.

57. Luyện nói: Thuyết minh một thứ đồ dùng.

**58-59. Viết bài Tập làm văn số 3.**

60. *Đập đá ở Côn Lôn*;

Hướng dẫn đọc thêm (3 đến 5 phút): *Hai chữ nước nhà*.

61. Ôn luyện về dấu câu.

**62. Kiểm tra Tiếng Việt.**

63. Thuyết minh một thể loại văn học.

64. Ôn tập Tiếng Việt.

65. Trả bài Tập làm văn số 3.

66-67. *Ông đồ*;

Hướng dẫn đọc thêm (3 đến 5 phút): *Muốn làm thằng Cuội*.

68. Trả bài kiểm tra Tiếng Việt.

**69-70. Kiểm tra học kì I.**

71. Hoạt động ngữ văn: Làm thơ 7 chữ.

72. Trả bài kiểm tra học kì I.

## HỌC KÌ II

- 73-74. *Nhớ rừng*.  
75. Câu nghi vấn.  
76. Viết đoạn văn trong văn bản thuyết minh.  
77-78. *Quê hương*.  
79. *Khi con tu hú*.  
80. Câu nghi vấn (tiếp).  
81. Thuyết minh về một phương pháp (cách làm).  
82. *Tức cảnh Pác Bó*.  
83. Câu cầu khiến.  
84. Thuyết minh một danh lam thắng cảnh.  
85. Ôn tập về văn bản thuyết minh.  
86. *Ngắm trăng*.  
87. *Đi đường*.  
88. Câu cảm thán.  
**89-90. Viết bài Tập làm văn số 5.**  
91. Câu trần thuật.  
92. Chiếu dời đô.  
93. Câu phủ định.  
94. Chương trình địa phương (phần Tập làm văn).  
95-96. *Hịch tướng sĩ*.  
97. Hành động nói.  
98. Trả bài Tập làm văn số 5.  
99. *Nước Đại Việt ta*.  
100. Hành động nói (tiếp).  
101. Ôn tập về luận điểm.  
102. Viết đoạn văn trình bày luận điểm.  
103. *Bàn luận về phép học*.  
104. Luyện tập xây dựng và trình bày luận điểm.  
**105-106. Viết bài Tập làm văn số 6.**  
107-108. *Thuế máu*.  
109. Hội thoại.  
110. Tìm hiểu yếu tố biểu cảm trong văn nghị luận.  
111. *Đi bộ ngao du*.  
112. Hội thoại (tiếp).  
113. Luyện tập đưa yếu tố biểu cảm vào bài văn nghị luận.  
**114. Kiểm tra Văn.**  
115. Lựa chọn trật tự từ trong câu.  
116. Trả bài Tập làm văn số 6.  
117. Tìm hiểu về các yếu tố tự sự và miêu tả trong văn nghị luận.  
118-119. *Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục*.  
120. Lựa chọn trật tự từ trong câu (luyện tập).  
121. Luyện tập đưa các yếu tố tự sự và miêu tả vào bài văn nghị luận.  
122. Chương trình địa phương (phần Văn).

123. Chữa lỗi diễn đạt (lỗi lôgic).

**124-125. Viết bài Tập làm văn số 7.**

126.127. Tổng kết phần Văn (chọn nội dung phù hợp để dạy 03 bài trong 2 tiết).

128. Ôn tập phần Tiếng Việt học kì II.

129. Văn bản tường trình.

130. Luyện tập làm văn bản tường trình.

131. Trả bài kiểm tra Văn.

**132. Kiểm tra Tiếng Việt.**

133. Trả bài Tập làm văn số 7.

134. Ôn tập phần Tập làm văn.

**135-136. Kiểm tra học kì II.**

137. Văn bản thông báo.

138. Chương trình địa phương phần Tiếng Việt.

139. Luyện tập làm văn bản thông báo.

140. Trả bài kiểm tra học kì II.

thcssolnamly.edu.vn



# LỚP 9

- **Cả năm** : **37 tuần 175 tiết**
- + **Học kỳ 1** : **19 tuần 90 tiết**
- + **Học kỳ 2** : **18 tuần 88 tiết**

## BỐ TRÍ THỜI KHÓA BIỂU

<b>Học kỳ 1</b> :	<b>Tuần 01 - 15</b> : <b>05 tiết / tuần = 75 tiết</b>	<b>Cộng HK1: 90 tiết</b>
	<b>Tuần 16 - 18</b> : <b>04 tiết / tuần = 12 tiết</b>	
	<b>Tuần 19</b> : <b>03 tiết / tuần = 03 tiết</b>	
<b>Học kỳ 2</b> :	<b>Tuần 20 - 35</b> : <b>05 tiết / tuần = 80 tiết</b>	<b>Cộng HK2: 88 tiết</b>
	<b>Tuần 36 - 37</b> : <b>04 tiết / tuần = 08 tiết</b>	

## HỌC KÌ I

- 1-2. *Phong cách Hồ Chí Minh.*
3. Các phương châm hội thoại.
4. Sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh.
5. Luyện tập sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh.
- 6-7. *Đấu tranh cho một thế giới hoà bình.*
8. Các phương châm hội thoại (tiếp).
9. Sử dụng yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh.
10. Luyện tập sử dụng yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh;  
Hướng dẫn tự học (3 đến 5 phút): Luyện tập tóm tắt tác phẩm tự sự.
- 11-12. *Tuyên bố thế giới về... trẻ em.*
13. Các phương châm hội thoại (tiếp).
- 14-15. Viết bài Tập làm văn số 1.**
- 16-17- 18. *Chuyện người con gái Nam Xương.*
19. Xung hô trong hội thoại.
20. Cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp.
21. Sự phát triển của từ vựng.
- 22-23. *Hoàng Lê nhất thống chí* (hồi 14).
24. Sự phát triển của từ vựng (tiếp).
25. *Truyện Kiều* của Nguyễn Du.
26. *Chị em Thuý Kiều.*
27. *Cảnh ngày xuân.*
28. Thuật ngữ.
29. Trả bài Tập làm văn số 1.
30. Miêu tả trong văn bản tự sự.
31. Trau dồi vốn từ.
- 32-33. Viết bài Tập làm văn số 2.**
- 34-35. *Kiều ở lầu Ngõ Bích.*
- 36-37. *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga.*

38. Miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự.  
 39. Chương trình địa phương phần Văn.  
 40. Tổng kết về từ vựng (Từ đơn, từ phức,... Từ nhiều nghĩa).  
 41. Tổng kết về từ vựng (Từ đồng âm,... Trường từ vựng).  
 42. Trả bài Tập làm văn số 2.  
 43-44. *Đồng chí*.  
 45-46. *Bài thơ về tiểu đội xe không kính*.  
**47. Kiểm tra truyện trung đại.**  
 48. Tổng kết về từ vựng (Sự phát triển của từ vựng,... Trau dồi vốn từ).  
 49. Nghị luận trong văn bản tự sự.  
 50-51. *Đoàn thuyền đánh cá*.  
 52. Tổng kết về từ vựng (Từ tượng thanh, tượng hình, một số phép tu từ từ từ vựng).  
 53. Tập làm thơ tám chữ.  
 54. Trả bài kiểm tra Văn.  
 55-56. *Bếp lửa*;  
 Hướng dẫn đọc thêm (3 đến 5 phút): *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ*.  
 57. *Ánh trăng*.  
 58. Tổng kết về từ vựng (Luyện tập tổng hợp).  
 59. Luyện tập viết đoạn văn tự sự có sử dụng yếu tố nghị luận.  
 60-61-62. *Làng*.  
 63. Chương trình địa phương phần Tiếng Việt.  
 64. Đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm trong văn bản tự sự.  
 65. Luyện nói: Tự sự kết hợp với nghị luận và miêu tả nội tâm.  
 Hướng dẫn tự học (3 đến 5 phút): Người kể chuyện trong văn bản tự sự.  
 66-67-68. *Lặng lẽ Sa Pa*.  
**69-70. Viết bài Tập làm văn số 3.**  
 71-72-73. *Chiếc lược ngà*.  
 74. Ôn tập Tiếng Việt (Các phương châm hội thoại,... Cách dẫn gián tiếp).  
**75. Kiểm tra Tiếng Việt.**  
**76. Kiểm tra thơ và truyện hiện đại.**  
 77-78-79. *Cố hương*;  
 Hướng dẫn đọc thêm (3 đến 5 phút): *Những đứa trẻ*.  
 80. Trả bài Tập làm văn số 3.  
 81. Trả bài kiểm tra Tiếng Việt, trả bài kiểm tra Văn.  
 82-83. Ôn tập Tập làm văn.  
 84. Ôn tập Tập làm văn (tiếp).  
**85. Ôn tập kiểm tra học kì I.**  
**86-87. Kiểm tra học kì I.**  
 88-89. Tập làm thơ tám chữ (tiếp tiết 54).  
 90. Trả bài kiểm tra học kì I.

## HỌC KÌ II

91-92. Bàn về đọc sách.

93. Khởi ngữ.

94. Phép phân tích và tổng hợp.

95. Luyện tập phân tích và tổng hợp.

96-97. Tiếng nói của văn nghệ.

98. Các thành phần biệt lập.

99. Nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.

100. Cách làm bài văn nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.

101. Hướng dẫn chuẩn bị cho chương trình địa phương phần Tập làm văn (sẽ làm ở nhà).

102-103 Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới.

104. Các thành phần biệt lập (tiếp).

**105-106. Viết bài Tập làm văn số 5.**

107-108. Chó Sói và Cừu trong thơ ngụ ngôn của La Phông-ten.

109. Nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí.

110. Liên kết câu và liên kết đoạn văn.

111. Liên kết câu và liên kết đoạn văn (luyện tập).

112- 113. Mùa xuân nho nhỏ;

Hướng dẫn đọc thêm (3 đến 5 phút): Con cò.

114-115. Cách làm bài văn nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí.

116. Trả bài Tập làm văn số 5.

117. Viếng lăng Bác.

118. Nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích).

119-120. Cách làm bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích).

121. Luyện tập làm bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích).

**Viết bài Tập làm văn số 6 học sinh làm ở nhà.**

122-123. Sang thu.

124-125. Nói với con.

126. Nghĩa tường minh và hàm ý.

127. Nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

128. Cách làm bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

129. Mây và sóng.

130. Ôn tập về thơ.

131. Nghĩa tường minh và hàm ý (tiếp).

**132. Kiểm tra Văn (phần thơ).**

133. Trả bài Tập làm văn số 6.

134-135. Tổng kết phần văn bản nhật dụng.

136. Chương trình địa phương (phần Tiếng Việt).

**137-138. Viết bài Tập làm văn số 7.**

139-140. Ôn tập Tiếng Việt lớp 9.

141. Luyện nói: Nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

142-143-144. Những ngôi sao xa xôi.

Hướng dẫn đọc thêm (5 đến 10 phút): Bến quê.

145. Chương trình địa phương (phần Tập làm văn);  
146. Trả bài Tập làm văn số 7.  
147. Biên bản.  
148-149. *Rô-bin-xơn ngoài đảo hoang*.  
150. Tổng kết về ngữ pháp.  
151. Luyện tập viết biên bản.  
152. Hợp đồng.  
153-154. *Bố của Xi mông*.  
155. Ôn tập về truyện.  
156. Tổng kết về ngữ pháp (tiếp).  
**157. Kiểm tra Văn (phần truyện).**  
158-159. *Con chó Béc*.  
**160. Kiểm tra Tiếng Việt.**  
161. Luyện tập viết hợp đồng.  
162. Tổng kết Văn học nước ngoài.  
163-164. *Bắc Sơn*.  
165-166. Tổng kết Tập làm văn.  
167-168. Tổng kết Văn học.  
169. Trả bài kiểm tra Văn, Tiếng Việt.  
**170. Ôn tập kiểm tra học kì II.**  
**171-172. Kiểm tra học kì II.**  
173-174. Thư, điện.  
175. Trả bài kiểm tra học kì II.

*Tài liệu do Sở GD&ĐT Quảng Bình cấp theo công văn số 1384/SGDDT-GDTrH, ngày 29 tháng 9 năm 2011 áp dụng cho môn Ngữ văn cấp THCS tại các trường THCS, THCS & THPT tại tỉnh Quảng Bình từ năm học 2011-2012.*

*Tài liệu này được lưu trữ tại Thư viện trường THCS Số 1 Nam Lý (thành phố Đồng Hới, Quảng Bình).*

*Được biên tập và chịu trách nhiệm về nội dung bởi Hoàng Công Hậu – Quản lý thông tin trực tuyến trường THCS Số 1 Nam Lý*